TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1580/2019/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 27 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2140/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Người yêu cầu: Bà **Đậu Thị T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 44, tổ 34, khu phố 5, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 44, tổ 34, khu phố 5, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con trong gia đình, về trách nhiệm cấp dưỡng. Tuy nhiên hòa giải đoàn tụ không thành và các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Thị T và ông Nguyễn Hồng S thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoài Thanh C, sinh ngày 09/7/2010 và Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 22/8/2013. Ly hôn cả hai thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoài Thanh C và Nguyễn Cao Kỳ D cho ông Nguyễn Hồng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Đậu Thị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000đồng/tháng/02cháu (2.000.000 đồng/01cháu/tháng) kể

từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T ông S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà T, ông S mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000656 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Các đương sự đã nộp xong lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Thị T và ông Nguyễn Hồng S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoài Thanh C, sinh ngày 09/7/2010 và Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 22/8/2013. Ly hôn cả hai thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoài Thanh C và Nguyễn Cao Kỳ D cho ông Nguyễn Hồng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Đậu Thị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000đồng/tháng/02cháu (2.000.000 đồng/01cháu/tháng) kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà T ông S trình bày không có, không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T, ông S mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000656 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Các đương sự đã nộp xong lệ phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Tuyền